

Số: 22 /2025/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 0206/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 205/BC-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 010117/UBND-ĐTKT ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về thẩm tra nội dung trình Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh; UBND TQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện KSND, TAND, cơ quan THADS tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND. 

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 22/2025/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Nguồn kinh phí đảm bảo

Kinh phí phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Chương II

MỨC CHI, THỜI GIAN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ Ở CẤP TỈNH

Điều 4. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

- Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban Bầu cử:
 - Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi.
 - Thành viên tham dự: 150.000 đồng/người/buổi.
 - Các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi.
- Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:
 - Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.
 - Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Các đối tượng phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi.

Điều 5. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

1. Trưởng đoàn giám sát: 150.000 đồng/người/buổi.
2. Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.
3. Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:
 - a) Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 80.000 đồng/người/buổi.
 - b) Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe): 50.000 đồng/người/buổi.
4. Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:
 - a) Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát: 1.000.000 đồng/báo cáo.
 - b) Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát: 1.500.000 đồng/báo cáo.
 - c) Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 100.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản.
 - d) Chinh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 500.000 đồng/báo cáo.

Điều 6. Chi xây dựng văn bản

1. Báo cáo sơ kết, tổng kết của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử: 1.500.000 đồng/báo cáo.
2. Văn bản của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử có phạm vi áp dụng toàn tỉnh (Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch, Chỉ thị, văn bản triển khai, hướng dẫn): 300.000 đồng/văn bản.
3. Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 100.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản.

Điều 7. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

1. Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:
 - a) Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo bầu cử, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử: 2.000.000 đồng/người/tháng.
 - b) Thư ký, thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó Ban bầu cử: 1.500.000 đồng/người/tháng.

c) Thư ký, thành viên Ban bầu cử; Trưởng, phó, thành viên Tổ giúp việc (hoặc Tiểu ban giúp việc, Tổ chuyên viên giúp việc) Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử: 1.200.000 đồng/người/tháng.

d) Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng quy định tại khoản này tính từ khi Quyết định thành lập, cử người của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực đến khi kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Trường hợp một người tham gia nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

2. Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài đối tượng tại khoản 1 Điều này) mức bồi dưỡng 80.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).

3. Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ công tác bầu cử.

4. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ tại khoản 2, khoản 3 Điều này căn cứ quyết định, văn bản huy động, trung tập của cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Điều 8. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động

1. Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo bầu cử, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử: 400.000 đồng/người/tháng.

2. Thư ký, thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó Ban bầu cử: 300.000 đồng/người/tháng.

3. Thư ký, thành viên Ban bầu cử; Trưởng, phó, thành viên Tổ giúp việc (hoặc Tiểu ban giúp việc, Tổ chuyên viên giúp việc) Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử: 200.000 đồng/người/tháng.

4. Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng quy định tại Điều này tính từ khi Quyết định thành lập, cử người của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực đến khi kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Trường hợp một người tham gia nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

Chương III

MỨC CHI, THỜI GIAN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ Ở CẤP XÃ

Điều 9. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

1. Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban Bầu cử:

- a) Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.
 - b) Thành viên tham dự: 120.000 đồng/người/buổi.
 - c) Các đối tượng phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi.
2. Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:
- a) Chủ trì cuộc họp: 120.000 đồng/người/buổi.
 - b) Thành viên tham dự: 80.000 đồng/người/buổi.
 - c) Các đối tượng phục vụ: 60.000 đồng/người/buổi.

Điều 10. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- 1. Trưởng đoàn giám sát: 120.000 đồng/người/buổi.
- 2. Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 80.000 đồng/người/buổi.
- 3. Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:
 - a) Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 60.000 đồng/người/buổi.
 - b) Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe): 50.000 đồng/người/buổi.
- 4. Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:
 - a) Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát: 800.000 đồng/báo cáo.
 - b) Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát: 1.200.000 đồng/báo cáo.
 - c) Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 100.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản.
 - d) Chinh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 400.000 đồng/báo cáo.

Điều 11. Chi xây dựng văn bản

- 1. Báo cáo sơ kết, tổng kết của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử: 1.000.000 đồng/báo cáo;
- 2. Văn bản của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử có phạm vi áp dụng toàn xã (Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch, Chỉ thị, văn bản triển khai, hướng dẫn): 200.000 đồng/văn bản;
- 3. Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 100.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản.

Điều 12. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

1. Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

a) Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo bầu cử, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử: 1.000.000 đồng/người/tháng.

b) Thư ký, thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó Ban bầu cử: 800.000 đồng/người/tháng.

c) Thư ký, thành viên Ban bầu cử; Trưởng, phó, thành viên Tổ giúp việc (hoặc Tiểu ban giúp việc, Tổ chuyên viên giúp việc) Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử: 600.000 đồng/người/tháng.

d) Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng quy định tại khoản này tính từ khi Quyết định thành lập, cử người của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực đến khi kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Trường hợp một người tham gia nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

2. Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài đối tượng tại khoản 1 Điều này) mức bồi dưỡng 80.000 đồng/người/ngày, thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).

3. Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ công tác bầu cử.

4. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ tại khoản 2, khoản 3 Điều này căn cứ quyết định, văn bản huy động, trung tập của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động

1. Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo bầu cử, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử: 300.000 đồng/người/tháng.

2. Thư ký, thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó Ban bầu cử: 200.000 đồng/người/tháng.

3. Thư ký, thành viên Ban bầu cử; Trưởng, phó, thành viên Tổ giúp việc (hoặc Tiểu ban giúp việc, Tổ chuyên viên giúp việc) Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử: 150.000 đồng/người/tháng.

4. Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng quy định tại Điều này tính từ khi Quyết định thành lập, cử người của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực đến khi kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Trường hợp một người tham gia nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

Chương IV

CÁC MỨC CHI KHÁC

Điều 14. Chi đóng hòm phiếu

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 300.000 đồng/hòm phiếu.

Điều 15. Chi khắc dấu

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí).

Điều 16. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.000.000 đồng/bảng.

Điều 17. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

1. Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 100.000 đồng/người/buổi.
2. Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi.
3. Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 18. Chi khoán kinh phí cho Tổ bầu cử

Tổ bầu cử được khoán để trang trí, chuẩn bị âm thanh, ánh sáng... khu vực bỏ phiếu: 1.000.000 đồng/Tổ bầu cử.

Điều 19. Chi bồi dưỡng cho việc phát thẻ cử tri, hướng dẫn cử tri khi bầu cử

Chi bồi dưỡng cho Tổ bầu cử để phát thẻ cử tri, hướng dẫn cử tri khi bầu cử: 1.000 đồng/thẻ cử tri.

Điều 20. Các mức chi khác

Các nội dung chi tại Điều 3 Thông tư số 87/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này thì thực hiện theo định mức, chế độ, quy định của pháp luật có liên quan.